

Số: 85/2022/QĐST-DS

Hoàng Hóa, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 87/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn T, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Bà Cao Thị K, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1971

Địa chỉ: 266/8 phường 7, đường L, Tp. T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1956

- Anh Chu Hữu Đ, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Xóm Tr, phường Đ, thị xã B, Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị X, sinh năm 1991

- Anh Trương Ngọc S, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: T, xã Th, huyện H, Thanh Hóa

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Lê Thị H1, sinh năm 1996

- Anh Lê Văn Nh, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Lê Thị H2, sinh năm 1997

- Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã Th, huyện H, Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về di sản thừa kế:

Di sản thừa kế do cụ Lê Văn D và Nguyễn Thị Đ để lại gồm: Quyền sử dụng đất thuộc số 154, tờ bản đồ số 05, Bản đồ 299/TTg xã Ph; Tương ứng thửa đất số 138, tờ bản đồ số 19, Bản đồ địa chính xã Ph năm 1996; Tương ứng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 60, Bản đồ địa chính xã Ph đo vẽ năm 2014. Diện tích $1.397,6m^2$ (trong đó, đất ở tại nông thôn (ONT) = $418m^2$, đất trồng cây lâu năm (CLN) = $979,6m^2$. Giá trị di sản: $418m^2 \times 600.000đ/m^2 + 979,6m^2 \times 327.000đ/m^2 = 571.129.000đ$ (Năm trăm bảy một triệu một trăm hai chín nghìn đồng).

Hiện thửa đất trên đã được tách thành 05 thửa gồm:

- Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích $263,0m^2$, đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số CQ740621 ngày 26/02/2019 cho chị Lê Thị H;

- Thửa đất số 185, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích $261,5m^2$. Đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số CQ740618 ngày 26/02/2019 cho chị Lê Thị X và anh Trương Ngọc S;

- Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích $268,7m^2$. Đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số CQ740620 ngày 26/02/2019 cho chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn Nh.

- Thửa đất số 187, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích $276,0 m^2$. Đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số CQ740619 ngày 26/02/2019 cho bà Cao Thị K.

- Thửa đất số 188, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích $328,4m^2$. Đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số CQ740617 ngày 26/02/2019 cho chị Lê Thị H2 và anh Lê Văn Ch.

b. Về người thừa kế:

Cụ Lê Văn D và cụ Nguyễn Thị Đ có 04 người con gồm: Ông Lê Văn C, bà Lê Thị L, ông Lê Văn K (đã chết, có vợ là bà Cao Thị K và có 04 người con: Lê Thị X, Lê Thị H, Lê Thị H1, Lê Thị H2) và bà Lê Thị T.

c. Về việc phân chia di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất:

- Phần di sản là quyền sử dụng đất do cụ D và cụ Đ để lại được chia làm 05 phần, những người được hưởng gồm: Bà K, chị H, bà T và anh Đ, chị H1 và anh Nh, chị H2 và anh Ch.

- Các đương sự thống nhất không yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ740621 cấp ngày 26/02/2019 cho chị Lê Thị H; số CQ740618 cấp ngày 26/02/2019 cho chị Lê Thị X và anh Trương Ngọc S; số CQ740620 cấp ngày 26/02/2019 cho chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn Nh; số CQ740619 cấp ngày 26/02/2019 cho bà Cao Thị K; số CQ740617 cấp ngày 26/02/2019 cho chị Lê Thị H2 và anh Lê Văn

Ch. Thống nhất điều chỉnh các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp sau khi di sản được phân chia.

- Ông Lê Văn C nhường phần di sản mình được hưởng lại cho mẹ con bà Cao Thị K.

- Chị Lê Thị X nhường lại phần di sản mình được hưởng cho mẹ là bà Cao Thị K.

- Bà Lê Thị L cho lại con trai là anh Chu Hữu Đ phần di sản mình được thừa kế.

Chị Lê Thị H1 và chị Lê Thị H2 thống nhất nhập phần di sản mình được hưởng thành tài sản chung của vợ chồng.

*** Các đương sự thống nhất phân chia di sản cụ thể như sau:**

- **Chia cho chị Lê Thị H:** Thừa đất số 106, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích 263,0m² (ONT:77,9m²; CLN: 185,1m²) trị giá: **107.268.000đ** (Một trăm linh bảy triệu hai trăm sáu tám nghìn đồng); có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Văn S và đất sản xuất nông nghiệp của bà Lê Thị H3, dài 54,71m;

+ Phía Tây giáp đất sản xuất nhà bà Lê Thị H3, dài 4,0m;

+ Phía Nam giáp đất tách chia cho bà Lê Thị T và anh Chu Hữu Đ, dài 56,34m;

+ Phía Đông giáp ngõ đi dài 5,30m.

- **Chia cho bà Lê Thị T và anh Chu Hữu Đ:** Thừa đất số 185, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích 261,5m² (ONT:77,1m²; CLN: 184,4m²) trị giá: **106.559.000đ** (Một trăm linh sáu triệu năm trăm năm chín nghìn đồng); có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp thửa 106 (chia cho chị H) dài 56,34m;

+ Phía Tây giáp đất sản xuất nhà bà Lê Thị H3, dài 4,0m;

+ Phía Nam giáp đất chia cho chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn Nh, dài 58,0 m;

+ Phía Đông giáp ngõ đi dài 5,30m.

(Phần đất đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ740618 ngày 26/02/2019 cho chị Lê Thị X và anh Trương Ngọc S).

- **Chia cho chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn Nh:** Thừa đất số 186, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích 268,7m² (ONT:77,4m²; CLN: 191,3m²) trị giá: **108.995.000đ** (Một trăm linh tám triệu chín trăm chín lăm nghìn đồng); có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 185 (Bà T và anh Đ), dài 58,0;

+ Phía Tây giáp đất sản xuất nhà bà Lê Thị H3, dài 4,0m;

+ Phía Nam giáp đất chia cho bà Cao Thị K, dài 59,69 m;

+ Phía Đông giáp ngõ đi dài 5,30m.

- **Chia cho bà Cao Thị K:** Thừa đất số 187, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích 276,0 m² (ONT:77,8m²; CLN: 198,2m²) trị giá: **111.491.000đ** (Một trăm mười một triệu bốn trăm chín một nghìn đồng); có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp thửa 186 (chị H1 và anh Nh), dài 59,69m;

+ Phía Tây giáp đất sản xuất nhà bà Lê Thị H3, dài 4,0m;

+ Phía Nam giáp đất chia cho chị Lê Thị H2 và anh Lê Văn Ch, dài 61,41 m;

+ Phía Đông giáp ngõ đi dài 5,30m.

- **Chìa cho chị Lê Thị H và anh Lê Văn Ch:** Thừa đất số 188, tờ bản đồ số 60 (190596-2-a) bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, diện tích 328,4m² (ONT: 107,8m²; CLN: 220,6m²) trị giá: **136.816.000đ** (*Một trăm ba sáu triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng*); có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp thửa 187 (bà K), dài 61,41 m;

+ Phía Tây giáp đất sản xuất nhà bà Lê Thị H3, dài 0,97m;

+ Phía Nam giáp đất nuôi trồng thủy sản của bà Cao Thị K dài 37,69m + 3,31m + 1,15m + giáp ngõ đi dài 7,56m + 15,30m;

+ Phía Đông giáp ngõ đi dài 5,78m.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký biến động, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

d. Về án phí:

Chị Lê Thị H phải chịu **án phí dân sự sơ thẩm là 2.681.700đ** (*Hai triệu sáu trăm tám một nghìn bảy trăm đồng*);

Bà Lê Thị T và anh Chu Hữu Đ phải chịu **án phí dân sự sơ thẩm là 2.664.000đ** (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Chị Lê Thị H1 và anh Lê Văn Nh phải chịu **án phí dân sự sơ thẩm là 2.724.900đ** (*Hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn chín trăm đồng*).

Bà Cao Thị K phải chịu **án phí dân sự sơ thẩm là 2.787.000đ** (*Hai triệu bảy trăm tám bảy nghìn đồng*).

Chị Lê Thị H2 và anh Lê Văn Ch phải chịu **án phí dân sự sơ thẩm là 3.420.400đ** (*Ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân

SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG

(Kèm theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự
số 85/2022/QĐST-DS ngày 27/12/2022 của TAND huyện Hoàng Hóa)



